

Khoản mục dịch vụ		Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)
I CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ		
1	Chuyển tiền đi	
		Mục đích du học: 0,15% số tiền chuyển Tối thiểu: 5 USD, Tối đa: 200 USD
1.1	Phí chuyển tiền	Mục đích khác: 0,20%/số tiền chuyển Tối thiểu: 10 USD, Tối đa: - Mục đích định cư: 1.000 USD - Mục đích khác: 500 USD
1.2	Trường hợp người chuyển chịu phí ngân hàng nước ngoài (Phí OUR) - khoản phí thu thêm	
a	USD	25 USD/ giao dịch
b	SGD	30 SGD/ giao dịch
c	EUR	0,20%/ số tiền chuyển Tối thiểu: 45 EUR, Tối đa: 250 EUR
d	Các loại ngoại tệ khác	0,20%/ số tiền chuyển Tối thiểu: 50 USD, Tối đa: 250 USD
1.3	Phí sửa đổi, bổ sung thông tin, hủy theo yêu cầu người chuyển tiền	30 USD/ lần
1.4	Tra soát lệnh chuyển tiền	30 USD/ lần
2	Nhận chuyển đến	
2.1	Phí ghi có vào tài khoản của người thụ hưởng mở tại NH Bản Việt/chuyển tiếp qua ngân hàng khác	0,05%. Tối thiểu: 5 USD, Tối đa: 100 USD
2.2	Tra soát/ Điều chỉnh	30 USD/ lần
2.3	Thoái hồi lệnh chuyển	30 USD/ lần
II BẢO LÃNH NGOÀI NƯỚC		
1	Phát hành thư bảo lãnh (Bank Guarantee/ Standby L/C)	
1.1	Ký quỹ 100% trị giá	0,05% / tháng trên trị giá bảo lãnh. Tối thiểu: 25 USD
1.2	Ký quỹ dưới 100% trị giá hoặc miễn ký quỹ	0,06% / tháng trên trị giá bảo lãnh. Tối thiểu: 30 USD
2	Sửa đổi thư bảo lãnh/ Standby L/C	
2.1	Sửa đổi tăng tiền	Như phát hành thư bảo lãnh. Tối thiểu: 15 USD
2.2	Sửa đổi thời hạn hiệu lực	0,05%/ tháng (tính tròn tháng từ ngày hết hiệu lực cũ cho đến ngày hết hiệu lực mới). Tối thiểu: 15 USD
2.3	Sửa đổi khác	20 USD/ lần
3	Hủy thư bảo lãnh	
3.1	Hủy thư bảo lãnh do Khách hàng yêu cầu	15 USD
3.2	Hủy thư bảo lãnh do hết hiệu lực	Miễn phí
4	Thông báo thư bảo lãnh/ Standby L/C	15 USD
5	Thông báo tu chỉnh thư bảo lãnh/ Standby L/C	10 USD
6	Thực hiện bảo lãnh, thanh toán Standby L/C	0,20%/ trị giá bảo lãnh. Tối thiểu: 25 USD
7	Xác nhận thư bảo lãnh	2%/ năm (tính tròn tháng). Tối thiểu: 50 USD
8	Phát hành thư bảo lãnh đối ứng	0,08%/ tháng (tính tròn tháng). Tối thiểu: 50 USD
III CÁC PHÍ KHÁC		
1	Điện phí thanh toán, chuyển tiền	
1.1	Người mua (trong nước) chịu phí	5 USD
1.2	Người bán (nước ngoài) chịu phí	25 USD
2	Điện khác	
2.1	Trong nước chịu phí	5 USD
2.2	Ngoài nước chịu phí	25 USD
3	Bưu phí	Thu theo biểu phí của dịch vụ